

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 218/2021/QĐST-HNGĐ

*Gò Công Tây, ngày 19 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa:

\* Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1992.

Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T1.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Có 02 con Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1992 và Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1996 đã trưởng thành.

- **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị Mai T, anh Nguyễn Văn T1 yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa Nguyễn Thị Mai T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Thanh T2 như sau:

+ Đối với ngôi nhà:

Nguyễn Thị Mai T sẽ hoàn trả cho Nguyễn Văn T1 số tiền 250.000.000 đồng tương đương  $\frac{1}{2}$  giá trị ngôi nhà. (Đã giao nhận tiền xong ngày 26/10/2021)

Giao cho Nguyễn Thị Mai T tiếp tục sở hữu, quản lý ngôi nhà trên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 15, diện tích 787,5m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm + đất ở, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05912 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh T2.

+ Đối với 12 thửa đất:

Nguyễn Thị Mai H đồng ý làm thủ tục sang tên cho Nguyễn Văn T1 02 thửa đất gồm:

1. Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.728,3m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05898 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/7/2016 cho bà Nguyễn Thị Mai H.

2. Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 15, diện tích 941,5m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05899 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Mai H.

Đã thực hiện vào ngày 26/10/2021.

Các thửa đất còn lại Nguyễn Thị Mai T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Mai H và Nguyễn Thanh T2 thống nhất công nhận là thuộc quyền quản lý, sử dụng của Nguyễn Thị Mai H và Nguyễn T1 Tiền như sau:

\* Nguyễn Thanh T2 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất:

1. Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 15, diện tích 787,5m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm + đất ở, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05912 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh T2.

2. Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.574,0m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05911 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh T2.

3. Thửa đất số 527, tờ bản đồ số 11, diện tích 132,3m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05914 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh T2.

4. Thửa đất số 595, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.075,0m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05910 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh T2.

5. Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.129,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05913 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh T2.

6. Thửa đất số 181, tờ bản đồ số 15, diện tích 111,3m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05909 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh T2.

\* Nguyễn Thị Mai H được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất:

1. Thửa đất số 315, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.439,2m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05897 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Mai H.

2. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 16, diện tích 807,1m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06742 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Mai H.

3. Thửa đất số 471, tờ bản đồ số 16, diện tích 431,5m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06748 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Mai H.

4. Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.203,7m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06755 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Mai H.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Mai T thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí hôn

nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0017190 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị T được hoàn lại 150.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do đã thỏa thuận phân chia tài sản trước khi Tòa án hòa giải theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn T1 5.000.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 0017306 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, 4.395.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 0017341 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, 2.500.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 0005757 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Mai T 3.000.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0005771 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện G;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CC THA DS huyện G;
- Tòa án ND tỉnh;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Võ Thị Xuân**